TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02/4/2024
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Phạm Hoàng Kiệt**

2- Bà **Lý Diệu Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 222/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Diệu H**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp CN A, xã TY, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Tô Quốc T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã AMB, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Diệu H trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Tô Quốc T được người quen mai mối và được sự chấp thuận của cha, mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2022, đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã AMB, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 11/01/2022. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 tháng đến tháng 9 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cự cãi với nhau lý do anh T thường đi chơi với bạn bè, tính tình không hợp nhau. Cho nên chị về nhà cha, mẹ ruột sinh sống và ly thân với anh T từ đó cho đến nay, vợ chồng không có cách nào hàn gắn tình cảm. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh Tô Quốc T biết về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Diệu H đối với anh T nhưng anh T vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Diệu H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Tô Quốc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị H và anh T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được sự thống nhất của hai bên gia đình tổ lễ cưới vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AMB, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 11/01/2022 nên quan hệ hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T, chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường hay cự cãi với nhau vì anh T thường đi chơi với bạn bè, tính tình không hợp nhau. Cho nên chị về nhà cha, mẹ ruột sinh sống và ly thân với anh T từ đó cho đến nay, vợ chồng không có cách nào hàn gắn tình cảm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo cho anh T đến tham gia hòa giải tại Tòa án nhưng anh T đều vắng mặt, đồng thời cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu ly hôn của chị H nhằm thể hiện mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Mặc dù hiện tại anh T vẫn còn đang sinh sống tại địa phương.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nghĩ nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H để xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị H xác định là trong thời gian chị và anh T chung sống thì không có con chung nên không yêu cầu xem xét, Hội đồng xét xử ghi nhận ghi nhận ý kiến trình bày của chị H và không xem xét giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định là trong thời gian chung sống không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Diệu H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0003020 ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các điều 8, 9, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Diệu H được ly hôn với anh Tô Quốc T.

2. Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày là chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Diệu H phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0003020 ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 02/4/2024). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện U Minh Thượng;*
- *CCTHADS huyện U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã AMB;*
- *Lưu HS, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Quốc Thịnh